| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2022/DS-ST
Ngày 22-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Ông Tô Văn Nhung.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Long, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X; trụ sở: Số 198 Trần Quang K, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Số 121, đường ĐT 743B, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Bùi Đức L, sinh năm 1980, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh N; địa chỉ: Số nhà 29/69, tổ 9, khu phố 12, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2022). (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Trung H, sinh năm 1992; thường trú: Số 176 Ô 5 khu B thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An; tạm trú: Căn hộ 1127, khu 7, đường D1, KDC Phú Hòa, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2022, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/4/2018, ông Trần Trung H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức tín dụng số tiền 50.000.000đ. Lãi suất cho vay thay đổi theo thông báo của Ngân hàng ghi trong sao kê. Phí phạt chậm thanh toán: 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu là 10% số dư sao kê kỳ trước cộng lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước); Phí rút tiền mặt là 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 50.000 đồng/giao dịch); Phí vượt hạn mức (vượt hạn mức từ 01 đến 05 ngày; 8%/năm; từ 06 đến 15 ngày: 10%/năm; từ ngày 16 trở đi là 15%/năm số tiền vượt hạn mức).

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 12/2021 ông Hvi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh N đã nhiều lần gửi văn bản, liên hệ để yêu cầu ông Trần Trung H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Trần Trung H vẫn không thanh toán các khoản nợ thẻ như quy định tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông Trần Trung H phải trả cho Ngân hàng TMCP X toàn bộ nợ gốc, lãi, (các) phí phát sinh liên quan đến Yêu cầu phát hành thẻ. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, đến ngày 24/5/2022 ông H có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng. Do Chính sách của Ngân hàng có thay đổi, để đảm bảo cho quyền lợi của người sử dụng thẻ tín dụng tốt hơn, nên Ngân hàng ưu tiên thu nợ gốc trước và điều chỉnh lại để khấu trừ số tiền khách hàng thanh toán nợ lãi, sang nợ gốc. Vì vậy:

Tính đến hết ngày 22/6/2022, tổng số nợ của ông Trần Trung H tại Ngân hàng TMCP X tạm tính là 18.638.960 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc thẻ tín dụng: 7.114.537 đồng
- Lãi thẻ tín dụng tạm tính: 4.733.005 đồng
- Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu: 6.775.658 đồng
- Phí vượt hạn mức: 15.760 đồng.

Và toàn bộ các khoản lãi, (các) phí tiếp tục phát sinh từ ngày 23/6/2022 cho đến khi ông Trần Trung H thanh toán xong toàn bộ các nghĩa vụ nêu trên.

- *Đối với bị đơn ông Trần Trung H*: Quá trình tố tụng ông Trần Trung H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 17/6/2022, 22/6/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Trung H thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện nguyên đơn là ông Bùi Đức L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn là ông Trần Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 17/6/2022 và ngày 22/6/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bùi Đức L và ông Trần Trung H.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 20/4/2018 Ngân hàng TMCP X thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng đối với ông Trần Trung H thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng; Tính đến ngày 22/6/2022, tổng số nợ của ông Trần Trung H tại Ngân hàng là 18.638.960 đồng. Do ông Trần Trung H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng TMCP X khởi kiện buộc ông Trần Trung H thanh toán nợ.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giao dịch tín dụng cho vay theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/4/2018 được giao kết giữa hai bên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

Quá trình tố tụng ông Trần Trung H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong các khoản nợ. Như vậy ông Trần Trung H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ. Do các bên đã thỏa thuận phí phạt chậm thanh toán là 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu là 10% số dư sao kê kỳ trước cộng lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước); Phí rút tiền mặt 4% số tiền giao dịch (tối thiểu 50.000 đồng/giao dịch); Phí vượt hạn mức (vượt hạn mức từ 01 đến 05 ngày là 8%/năm; từ 06 đến 15 ngày là 10%/năm; từ ngày 16 trở đi là15%/năm số tiền vượt hạn mức) nên ông Trần Trung H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản lãi, phí tính đến ngày 22/6/2022 là 18.638.960 đồng, trong đó (nợ gốc thẻ tín dụng: 7.114.537 đồng; lãi thẻ tín dụng tạm tính: 4.733.005 đồng; Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu: 6.775.658 đồng; phí vượt hạn mức: 15.760 đồng). Ông Trần Trung H tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[5] Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự số tiền 2.670.000 đồng, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ nên bị đơn phải nộp số tiền là 2.670.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với bị đơn ông Trần Trung H về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Trần Trung H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xkhoản nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/4/2018 tính đến hết ngày 22/6/2022 là 18.638.960 đồng, trong đó (nợ gốc thẻ tín dụng: 7.114.537 đồng; lãi thẻ tín dụng tạm tính: 4.733.005 đồng; Phí không thanh toán đủ số tiền tối thiểu: 6.775.658 đồng; phí vượt hạn mức: 15.760 đồng).

Tiền lãi, phí trên dư nợ thẻ thực tế kể từ ngày 23/6/2022 trở đi được tiếp tục tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Giao dịch tín dụng cho vay theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/4/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và ông Trần Trung H cho đến khi ông Trần Trung H trả xong các khoản nợ.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.670.000 đồng, ông Trần Trung H phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã tạm ứng trước nên ông Trần Trung H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trung H phải chịu 931.948 (chín trăm ba mươi mốt ngàn, chín trăm bốn mươi tám) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 423.918 đồng (bốn trăm hai mươi ba ngàn chín trăm mười tám)

đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003600 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt ông Bùi Đức L và ông Trần Trung H.

6. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng**